

“Chất xanh” và “chất xám” người Việt nước ngoài: bên nào nặng hơn?

TS Phạm Đỗ Chí

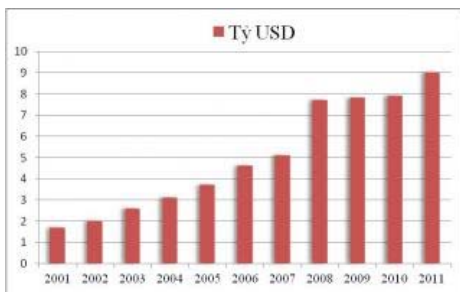
Nếu tính toán một cách sát thực tế từ lượng kiều hối về Việt Nam hàng năm, ước tính số tiền gửi phản ảnh 10%-15% tiền kiếm được, thì thu nhập tổng cộng của khối người Việt ở nước ngoài có thể lên tới 50 tỷ USD, ở mức cao đạt bằng 50% tổng sản lượng quốc dân của Việt Nam. Trong không khí những ngày này, tác giả đặt suy nghĩ về chuyện đoàn kết dân tộc ở một khía cạnh mới, dựa trên tiềm năng của khối người Việt toàn cầu. Và cũng từ đó, đề xuất về một khái niệm lý thuyết kinh tế là “tổng sản phẩm toàn cầu” của cộng đồng người Việt toàn cầu.

Đo tổng sản phẩm VN toàn cầu, thấy tiềm lực người Việt

Nhân dịp 30/4 mỗi năm, lúc tâm tư cũng tạm trầm lắng đôi chút để suy nghĩ chuyện gần xa vượt khỏi các hình ảnh du lịch của kỳ nghỉ lễ dài, có thể đặt lại chuyện đoàn kết dân tộc trên một khía cạnh mới khác hẳn. Đó là dựa trên “lý”, dựa vào tiềm năng hùng mạnh của một khối “Người Việt Toàn Cầu” mà từ trong hay ngoài nước bất cứ một con dân Việt nào có suy nghĩ phải hãnh diện vì thực thể lớn mạnh đó vượt tầm mức của cả một quốc gia đông dân thứ 13 trên thế giới, vì ai cũng có quyền lợi và nghĩa vụ nhiều hơn với tổ quốc.

Trong thời kỳ toàn cầu hoá, rút ngắn khoảng cách không gian và thời gian, rất cần có sự huy động sức mạnh tổng hợp. Những nước như Trung Quốc, Ấn Độ và Do Thái đã rất thành công khi quy tụ được sức mạnh của các cộng đồng kiều bào vào nỗ lực phát triển xứ sở họ. Với Việt Nam, cần chăng sự có mặt của khối người Việt ở nước ngoài trong thời hội nhập và xét đến tiềm năng của một “Việt Nam Toàn Cầu”? Trong ý nghĩ này, chúng ta thử xét đến một khái niệm mới, TỔNG SẢN PHẨM TOÀN CẦU hay Gross Global Product (GGP), và áp dụng cho Việt Nam. Lượng tiền của người Việt chuyển về nước đạt bình quân 2 tỷ USD/năm trong hai năm 2001-2002, tăng nhanh lên 3 tỷ USD trong hai năm tiếp đó rồi vọt lên 5 tỷ vào các năm 2006-2007 và bình quân là 7 tỷ vào ba năm 2008-2010, do số người đi xuất khẩu lao động cũng tăng rất nhanh. Tổng cộng có thể lên tới trên 40 tỷ USD trong hai thập niên vừa qua, vượt xa tổng vốn FDI thực hiện và vốn ODA giải ngân trong cùng thời gian.

Con đường chuyển về nhiều nhất vẫn là chính thức qua các ngân hàng, nhưng thật sự lượng tiền gửi về còn lớn hơn do số tiền mang về trực tiếp trong những lần họ về du lịch hay thăm nhà, thay vì chỉ gửi qua ngân hàng. Một thực tế là trong khi Việt Nam nói nhiều đến đầu tư nước ngoài và dành nhiều công sức để thu hút thì nguồn lực dồi dào từ cộng đồng người Việt ở nước ngoài lại chưa được đánh giá đúng tiềm năng để có chính sách thích ứng. Con số tiền gửi hàng năm mặc dù lớn lao chỉ thật sự phản ánh một phần nhỏ tiềm lực của họ.



Hình 1: Lượng kiều hối của người Việt ở hải ngoại, 2001-2011

Nguồn: Niên giám thống kê và ước tính cho 2009-2011

Xu thế toàn cầu hoá về sức mạnh cộng đồng

Trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra ngày càng nhanh chóng, sâu rộng như hiện nay, công nghệ mới xuất hiện, khoảng cách được rút ngắn lại, yếu tố địa lý trong kinh doanh giảm dần ý nghĩa, tính liên kết tăng lên mạnh mẽ đã dẫn đến tính “mạng” trong kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng. Ngày nay có một xu thế là khi người ta nói đến nền kinh tế Trung Quốc thường không chỉ giới hạn trong đại lục mà cả một cộng đồng người Hoa trên khắp thế giới. Đúng như John Naisbitt nhận định “Nhiều người trong chúng ta đã từng nghĩ Đài Loan và Hồng Kông là một bộ phận của Trung Quốc. Giờ chúng ta phải mở rộng ranh giới của một Trung

Quốc rộng lớn hơn để bao gồm cả những người gốc Hoa sinh sống ở Singapore, Nam Dương, Malaysia... Đầu não của mạng lưới này là số đông các tỷ phú tự lập như Liem Sioe Liong, Robert Kuok, Dhanin Chearavanont....” Trung Quốc cũng đang thực hiện chiến lược phát huy được tiềm năng của Hoa Kiều trong phát triển kinh tế thông qua thu hút chất xám, thu hút đầu tư và lấy chính những Hoa Kiều làm cầu nối để đưa hàng hoá xâm nhập thị trường quốc tế. Charles Zhang, tốt nghiệp khoa Vật lý Viện Công nghệ Massachusetts, tiên đoán: “Nếu hôm nay chúng ta nhìn lại 100 năm phát triển qua, chúng ta có thể thấy thời kỳ này tương tự như thời kỳ Phục Hưng ở Châu Âu hay Minh Trị ở Nhật Bản.”

Chính phủ họ đã tiếp đãi trọng thể các học giả và đã xây dựng hơn 70 công viên kinh doanh cho họ làm việc. Một trong số đó là công viên Zhongguancun, gần Bắc Kinh, được biết đến như Thung lũng Silicon của Trung Quốc. Các học giả này khi quay trở lại Trung Quốc làm việc có thể được miễn thuế thu nhập, có không gian thuận lợi làm việc, được cấp tín dụng cũng như có thể cố vấn cho bộ máy hành chính cấp địa phương.

Thu nhập của người Việt ở nước ngoài là bao nhiêu?

Khó có thể ước tính chính xác lợi tức (hay thu nhập) của 3 triệu người Việt cư trú thường xuyên và 500.000 người sang làm việc tạm thời ở nước ngoài. Tuy nhiên, nếu dựa trên lý luận là đa số đồng bào gốc Việt ở nước ngoài đang cư trú ở các nước có đời sống cao như Bắc Mỹ và Tây Âu, tạm dùng con số thu nhập mỗi năm là 5.000 USD một đầu người, thì 3,5 triệu người Việt ở hải ngoại có thu nhập hàng năm là 16,5 tỷ USD. Con số ước tính này có vẻ quá nhỏ thiếu chính xác. Vì con số thu nhập, 16,5 tỷ USD này không tương xứng với số tiền gửi chính thức về quê hương hàng năm bây giờ là 7-8 tỷ USD (mức trung bình trong mấy năm gần đây nhất, riêng hai năm chót 2010-11 đã là 9 tỷ USD mỗi năm), tức là mức gửi lên tới một nửa của thu nhập ước tính trên từ bên ngoài; con số gửi về này quá cao so với tiền tiết kiệm bình thường bên đời sống Âu Mỹ.

Nếu tính toán một cách sát thực tế hơn, cho là số tiền gửi phản ánh 10% tiền thu nhập kiếm được hàng năm, và từ con số gửi về 9 tỷ mỗi năm hiện nay gồm 5 tỷ là từ thu nhập hàng năm và 4 tỷ từ tiết kiệm gửi về để bỏ vào ngân hàng ở VN với lãi suất cao hay để mua nhà đất, thì thu nhập tổng cộng của khối người Việt ở nước ngoài có thể lên tới 50 tỷ USD, hay đạt bằng 50% tổng sản lượng quốc dân của Việt Nam (ước tính ở mức 100 tỷ USD hiện nay). Đây là một con số đáng kể cho một cộng đồng di dân mới thuộc về thế hệ thứ nhất và thứ hai.

Từ GDP đến GGP

Nếu chúng ta thử đề nghị một định nghĩa mới cho hệ thống kế toán tài khoản quốc gia là Tổng Sản Phẩm Toàn Cầu của một nước (Gross Global Product-GGP) cho Việt Nam, Israel, Ấn Độ hay Trung Quốc - những nước có nhiều di dân ở ngoài lãnh thổ quốc gia, thì chúng ta sẽ có 3 định nghĩa sau đây về tổng sản phẩm cho một nước, thí dụ là Việt Nam:

Tổng Sản phẩm Quốc dân (Gross National Product-GNP): tổng giá trị gia tăng của các hoạt động sản xuất và dịch vụ do người dân của Việt Nam sản xuất bất kể trên lãnh thổ quốc gia mình hay ở các nước khác.

· Tổng Sản phẩm Quốc nội (Gross Domestic Product-GDP): tổng giá trị gia tăng của các hoạt động sản xuất và dịch vụ người dân của Việt Nam hay của dân nước khác sản xuất trên lãnh thổ quốc gia Việt Nam.

· Tổng Sản phẩm Toàn cầu (Gross Global Product-GGP): tổng giá trị gia tăng của các hoạt động sản xuất và dịch vụ do người dân của Việt Nam hay người dân của nước khác sản xuất trên lãnh thổ quốc gia Việt Nam, hay do các kiều bào gốc Việt sản xuất trên lãnh thổ các nước khác.

Nếu tính như vậy thì trong khi tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam là 100 tỷ USD cho 87 triệu người Việt trên lãnh thổ quốc gia vào năm 2010, tổng sản phẩm toàn cầu của Việt Nam sẽ là 150 tỷ USD cho trên 90 triệu người Việt ở cả trong và ngoài nước.

Chất xanh và chất xám

Nhưng câu chuyện không chỉ ngưng ở đó. Tiềm năng của người Việt ở ngoài nước còn lớn hơn đóng góp “chất đồ la xanh” cho GGP của Việt Nam rất nhiều, đó còn là sự đóng góp quan trọng về “chất xám”. Nhất là với xu hướng hiện tại của mấy trăm ngàn người Việt về thăm nước hàng năm, và hàng chục ngàn người Việt sang làm việc, du lịch hay đầu tư ở nước ngoài, thêm vào con số mấy chục ngàn học sinh sinh viên du học hàng năm và ở lại thực tập lấy kinh nghiệm hay định cư lâu dài hơn bên ngoài. Trình độ giáo dục cao, kinh nghiệm làm việc, kỹ năng quản lý, tiếp xúc với công nghệ mới... là nguồn tài nguyên, kiến thức rất lớn đối với một quốc gia. Thành phần đội ngũ đáng kể nhất là khối đông doanh nhân và chuyên viên trung niên ở tuổi 40-

55 và giới chuyên viên mọi ngành, nhất là nhóm kỹ thuật gia trẻ, lứa tuổi 25-40 đang có mặt trong nhiều hãng xưởng ở trên 150 nước trên thế giới. Họ là những người có thu nhập cao nhất và là khối đông thầm lặng có trọng lượng trong cộng đồng hải ngoại và cũng giữ tiềm năng lớn với các đóng góp tương lai cho một Việt Nam rộng mở hơn ra bên ngoài, thí dụ trong 10-20 năm nữa.

Điển hình của thành công về kỹ thuật là sự có mặt quan trọng của giới chuyên viên gốc Việt ở các trung tâm nghiên cứu và các trường đại học Pháp, ở khu Thung Lũng Điện Tử Silicon Valley bên San Jose, Hoa Kỳ, hay trong các hãng tài chính lớn ở khu tài chính quốc tế Wall Street. Trong tương lai gần, họ có thể đóng góp lớn cho Việt Nam trong ba địa hạt quan trọng: công nghiệp, công nghệ thông tin (vốn được coi là một mũi nhọn phát triển) và kinh tế tài chính. Họ cũng đã và sẽ góp phần vào việc phát triển lành mạnh môi trường bất động sản ở nhà, giúp tình trạng «đóng băng» sớm chấm dứt. Ngoài ra, họ còn là các đại diện thương mại hữu hiệu để xâm nhập thị trường quốc tế. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, nếu kêu gọi được sự cộng tác của những người gốc Việt ở nước ngoài thì cộng đồng này sẽ là phương tiện hiệu quả nhất để gia tăng phát triển thương mại cho Việt Nam. Thật vậy khó ai trong 5-10 năm có thể huấn luyện hay gửi ra ngoài một nhóm đại diện thương mại cả mấy trăm ngàn người sinh sống trên hơn 150 nước với khả năng ngôn ngữ thông thạo cũng như quen thuộc với tập tục văn hóa của từng xứ.

Ngược lại cho một số đông người Việt trung niên hay cao niên muốn quay về xứ hồi hưu hay làm việc tiếp, sẽ có thêm cơ hội phát triển các cộng đồng cư dân “tuổi hưu” và góp phần phát triển trong nhiều lãnh vực. Ở nước ngoài, người Việt thường tự tin là họ có thể đóng góp ý kiến cho việc kiện toàn một hệ thống pháp luật, tổ chức một xã hội công dân tự do hoàn thiện, cho một chính sách kinh tế, ngoại giao hay giáo dục mới, một chính sách y tế công cộng hiệu quả, ngoài việc chính là góp phần đem về kinh nghiệm của một nền công nghệ tiên tiến. Phải chăng thời điểm này là giây phút thách đố cho cả hai bên? Ngoài nước bắt tay vào các việc sửa soạn trên. Trong nước, cảm nhận và tâm tư của người dân cũng đã được thể hiện trên nhiều diễn đàn.

Như vậy, quả bóng hiện nằm trên sân của giới hữu trách lo về chính sách đoàn kết quốc gia và cộng đồng người Việt ở hải ngoại, cần sửa soạn ngay các chiến lược trên tầng qui mô lớn hơn là các hoạt động đón Tết, trại hè sinh viên học sinh, hay đơn giản chỉ là các thủ tục dễ dàng cho việc mua nhà với sổ đỏ (dù thật sự hiện vẫn chưa được áp dụng rõ ràng thông thoáng), hay chỉ là các thủ tục xuất nhập cảnh như để khuyến khích... du lịch ! Phải chăng đã đến lúc cần có hẳn một Bộ trong Chính phủ lo về các chuyện này và bắt đầu bằng một « Hội nghị Diên Hồng » hàng năm vào dịp 30/4 hay Tết để toàn dân góp ý cho việc phát triển đất nước trong 10-20 năm tới? Và khi đã quan niệm được sự đóng góp như trên của mọi người gốc Việt trên thế giới, Việt Nam sẽ không cần lo ngại đến hiện tượng “chảy máu chất xám” (brain drain) vẫn được bàn đến mỗi lần nói đến con số lớn sinh viên Việt Nam du học hàng năm chưa trở về quê hương ngay sau khi học xong. Vì họ vẫn tiếp tục đóng góp vào Tổng sản phẩm toàn cầu (GDP) của Việt Nam hiện có thể tạm ước tính đạt tới 150 tỷ USD. Tất nhiên sẽ cần các tính toán GPP khác chính xác hơn, nhưng tầm quan trọng và vai trò quốc tế của một khối “Người Việt Toàn Cầu” khó có thể phủ nhận nếu được nhìn nhận đúng.

Và... sau hết chút tâm tư người trong nước (bài của nhà báo Trần Trọng Thức)

Mặc dù khái niệm trên còn chờ sức thuyết phục của lý luận và thời gian, đôi chút cảm nhận và tâm tư người trong nước đã được tìm thấy từ bên kia bờ đại dương trong một bài viết của nhà báo Trần Trọng Thức :

“Nhớ lại vào những năm đầu của thập niên 90 thế kỷ trước, số kiều hối ít ỏi chỉ khoảng 1 tỷ USD gửi về nước không chỉ giúp cho một bộ phận người dân thoát khỏi khó khăn mà còn tạo thêm sức mạnh cho nền kinh tế trong thời kỳ đầu đổi mới. Từ đó đến nay, những cải tiến về chính sách liên quan đến dòng tiền này đã kích thích kiều hối liên tục tăng trưởng... Thử làm một bài toán đơn giản. Một trong những nguồn thu quan trọng của chúng ta là xuất khẩu. Theo cách tính của các doanh nghiệp xuất khẩu ngành may thì họ phải bỏ ra 100 USD mới có được 1 USD lợi nhuận. Còn nếu tính theo tỷ suất lợi nhuận trung bình lý tưởng nhất là 10%, để có được khoản “lãi ròng” 6,3 tỷ USD, như kiều hối năm 2009, thì phải cần nguồn vốn đầu tư lên đến 63 tỷ USD, nghĩa là tương đương hai phần ba GDP của chúng ta hiện nay! Như vậy mới thấy nguồn tiền kiều hối có sức nặng thế nào đối với sự phát triển của kinh tế đất nước. Có thể nói, trong những năm qua nguồn tiền này đã bù đắp gần 50% thâm hụt cán cân thương mại, giúp giảm thiểu rủi ro trong việc huy động vốn cũng như giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn nước ngoài, nhất là vốn ODA vay dài hạn mà con cháu chúng ta phải trả sau này. Và cũng không kém quan trọng là kiều hối đã trực tiếp giúp nhiều gia đình có điều kiện vượt khó, làm giảm mức nghèo đói ở nông thôn bởi phần lớn người đi lao động nước ngoài xuất phát từ đây.

Thế mà lâu nay chúng ta vẫn khá thụ động trước "mỏ vàng kiều hối", có được bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu. Một vài cải tiến như bãi bỏ thuế, không giới hạn số lượng ngoại tệ được chuyển về, cho thân nhân trong nước nhận tiền bằng ngoại tệ và không bắt buộc phải bán lại cho ngân hàng mà chúng ta gọi là tháo gỡ, chẳng qua cũng là chuyện rất bình thường, nhất là trong tình hình nền kinh tế đô la hoá, không có chủ trương kết hối các nguồn ngoại tệ như hiện nay.

Chính sách tích cực hơn nữa để thu hút ngày càng nhiều lượng kiều hối từ khắp nơi trên thế giới không chỉ dừng lại ở chừng ấy biện pháp. Kinh nghiệm của Ấn Độ cho chúng ta một bài học quý giá. Khi quan hệ giữa Ấn kiều và chính phủ còn lạnh nhạt, 20 triệu người Ấn ở nước ngoài, với thu nhập bình quân 160 tỷ USD mỗi năm, chỉ gửi về quê 4 tỷ USD. Nhưng từ khi chính phủ Ấn Độ nỗ lực tiến hành nhiều biện pháp cải thiện mối quan hệ với người Ấn xa xứ, lượng kiều hối đã tăng lên nhanh chóng cùng với sự trở về nước kinh doanh của Ấn kiều: 11 tỷ USD năm 1995, 22 tỷ USD năm 2005 và tăng đến gần 28 tỷ USD vào năm 2007. Đó là chưa kể, từ năm 2005 Ấn kiều cũng đã gửi 32 tỷ USD tiết kiệm vào các ngân hàng Ấn Độ để hưởng lãi suất ưu đãi. Nguồn vốn này, bằng 23% dự trữ ngoại tệ của Ấn Độ, đã giúp cân bằng cán cân thương mại đồng thời ngăn chặn lạm phát hiệu quả.

Ở nước ta, các thống kê cho thấy lượng tiền kiều hối trở lại hệ thống ngân hàng chỉ 10%, một con số quá thấp mà đúng ra Ngân hàng Nhà nước phải có chính sách ưu đãi nhằm thu hút đồng ngoại tệ quý báu này để tăng thêm dự trữ quốc gia, có điều kiện chủ động trong biện pháp điều hành tiền tệ, đồng thời hạn chế các tiêu cực trong đời sống kinh tế xã hội như buôn lậu, đầu cơ, làm giá... Tại sao lại không nghĩ đến việc huy động những "đồng tiền ngọt ngào" này vào ngân hàng với lãi suất ưu đãi hoặc cho các khoản kiều hối được chuyển đổi với tỷ giá cao hơn giá thị trường, bởi đây là những khoản tiền nền kinh tế có được mà không phải mất một khoản đầu tư nào. Và trên tất cả là những chính sách thông thoáng hơn nữa của chính phủ liên quan đến "một bộ phận không thể tách rời của dân tộc".